

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KHÁNG SINH TẠI CÁC TRẠI GÀ THỊT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NAM ĐỊNH VÀ THÁI NGUYÊN

*Lưu Quỳnh Hương^{1,2}, Trần Thị Thu Hằng², Lê Thị Hồng Nhung¹, Đỗ Thị Thu Thủy²,
Hoàng Minh Đức², Nguyễn Thị Thanh Huyền², Nguyễn Thị Thu Hằng², Nguyễn Văn Cẩm¹*

TÓM TẮT

Nghiên cứu được tiến hành trên 100 trại chăn nuôi gà thịt tại huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định và huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên nhằm đánh giá tình hình sử dụng kháng sinh trong quá trình chăn nuôi. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc sử dụng kháng sinh là khá phổ biến tại các địa phương. Có 13 loại kháng sinh được sử dụng trong các trại chăn nuôi, trong đó amoxicillin (76%), doxycyclin (32%) và florfenicol (28%) được dùng phổ biến tại Thái Nguyên. Tại Nam Định, kháng sinh được sử dụng phổ biến là ampicillin (28%), ampicillin-colistin (24%) và doxycyclin-tylosin (16%). Có 54% số trại chăn nuôi tại tỉnh Thái Nguyên sử dụng liều kháng sinh cao gấp 1,5-2 lần so với liều hướng dẫn của nhà sản xuất so với tỉnh Nam Định (14%). Việc sử dụng kháng sinh không kiểm soát tại các trại chăn nuôi có thể làm tăng nguy cơ kháng thuốc kháng sinh của các vi khuẩn gây bệnh, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng và gây thiệt hại cho người chăn nuôi.

Từ khóa: Kháng sinh, liều kháng sinh, gà thịt, Thái Nguyên, Nam Định.

Situation of using antibiotics at broiler chicken farms in Nam Dinh and Thai Nguyen provinces

*Luu Quynh Hung, Tran Thi Thu Hang, Le Thi Hong Nhung, Do Thi Thu Thuy,
Hoang Minh Duc, Nguyen Thi Thanh Huyen, Nguyen Thi Thu Hang, Nguyen Van Cam*

SUMMARY

The study was conducted at 100 broiler chicken farms in Vu Ban district, Nam Dinh province and Phu Binh district, Thai Nguyen province to assess the use of antibiotic in the process of raising chickens. The studied results showed that the use of antibiotics in raising chickens in the investigated farms was still common. There were 13 types of antibiotics used in the chicken farms, in which amoxicillin (76%), doxycyclin (32%) and florfenicol (28%) were commonly used in Thai Nguyen province. In Nam Dinh, antibiotics were commonly used including ampicillin (28%), ampicillin-colistin (24%) and doxycyclin-tylosin (16%). There were 54% of chicken farms in Thai Nguyen province using antibiotics with dose from 1.5 to 2 times higher than the using doses instructed by the manufacturers compared to Nam Dinh province (only 14%). The use of antibiotics without control in the chicken industry could increase the risks of antibiotic resistance of the pathogenic bacteria, affecting public health and causing economic losses to the chicken farmers.

Keywords: Antibiotic, antibiotic dose, broiler, Thai Nguyen, Nam Dinh province.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chăn nuôi gia cầm nói chung và chăn nuôi gà nói riêng là nghề sản xuất truyền thống lâu đời và chiếm vị trí quan trọng thứ hai trong tổng giá

trị sản xuất của ngành chăn nuôi nước ta. Chăn nuôi gia cầm tại nhiều địa phương đã trở thành một trong những nghề sản xuất chính trong sản xuất nông nghiệp, góp phần làm thay đổi cơ cấu các ngành sản xuất trong nông nghiệp, giúp xóa đói giảm nghèo bền vững. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tổng đàn và sản lượng gia

¹ Hội Thú y Việt Nam

² Viện Thú y

cầm tăng do các trại, cơ sở chăn nuôi mở rộng quy mô. Tính đến tháng 1/2021, tổng đàn gia cầm của cả nước là 512.690 nghìn con; tăng so với cùng kỳ năm 2020 là 31.610 nghìn con (tăng 6,57%) (Tổng cục Thống kê, 2021).

Thái Nguyên và Nam Định là hai tỉnh chăn nuôi gà lớn và lâu đời của vùng đồng bằng Bắc Bộ. Theo Chi cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên (2020), 6 tháng đầu năm 2020, đàn gia cầm có 8.364 nghìn con, tăng 4,9% so với cùng kỳ năm 2019. Huyện Phú Bình được biết đến là địa phương chăn nuôi trọng điểm của tỉnh Thái Nguyên, chăn nuôi phát triển theo hướng bền vững, theo quy mô trang trại, hợp tác xã, với thương hiệu gà đồi Phú Bình và các sản phẩm chăn nuôi khác. Huyện Phú Bình là địa phương có số lượng trang trại chăn nuôi lớn nhất trong toàn tỉnh với trên 120 trang trại chăn nuôi gia cầm, 70 trang trại chăn nuôi tổng hợp (Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Nguyên, 2020). Bên cạnh đó, theo Sở NN và PTNT tỉnh Nam Định, 9 tháng đầu năm 2021 chăn nuôi của tỉnh Nam Định phát triển ổn định, đàn gia cầm ước tính 9,1 triệu con; tăng 6,1% so với cùng kỳ năm 2020. Vụ Bản là huyện có chăn nuôi gà khá phát triển, gần đây các trại chăn nuôi tại đây chú trọng vào phát triển chăn nuôi tập trung theo mô hình trang trại, hợp tác xã, đồng thời áp dụng quy trình thực hành chăn nuôi tốt VietGAHP, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm chăn nuôi (Báo Nam Định, 2021).

Tiêu chảy là bệnh xảy ra khá là phổ biến trong quá trình chăn nuôi gà, đặc biệt bệnh thương hàn do *Salmonella* spp. gây ra, có tỷ lệ chết cao. Bên cạnh đó còn có rất nhiều những mầm bệnh khác xảy ra trong quá trình chăn nuôi, chính vì vậy người nuôi gà rất hay trộn thuốc kháng sinh vào thức ăn để phòng bệnh tiêu chảy và các mầm bệnh khác. Việc sử dụng thuốc thú y và kháng sinh trong chăn nuôi gà tại Thái Nguyên và Nam Định nói riêng cũng như trên cả nước nói chung chưa được quản lý chặt chẽ. Các trại vẫn sử dụng kháng sinh tràn lan, đặc biệt để phòng ngừa bệnh cho gà. Một nghiên cứu của Luu và cs. (2021) trên các trại chăn nuôi gà tại một số tỉnh khu vực miền Bắc, miền Trung và miền Nam của Việt Nam cho thấy có tới 87,9% số trại điều tra sử

dụng kháng sinh trong chăn nuôi gà, trong đó 62,1% các trại sử dụng kháng sinh cho mục đích điều trị và 37,8% cho mục đích phòng ngừa.

Sử dụng kháng sinh không hợp lý trong chăn nuôi có thể dẫn tới sự tồn dư kháng sinh trong thịt và các sản phẩm động vật, gây tác động xấu tới sức khỏe của người tiêu dùng, ảnh hưởng không tốt đến môi trường sinh thái. Lạm dụng, sử dụng kháng sinh sai cách trong chăn nuôi có thể gây ra hiện tượng kháng kháng sinh. Việc truyền gen kháng thuốc từ chăn nuôi sang người qua nhiều con đường khác nhau gây ra mối đe dọa đối với sức khỏe con người (Da Costa và cs., 2013) và gây khó khăn cho công tác phòng chống dịch bệnh trong nhân y và thú y (Rushton và cs., 2009).

Tình trạng kháng thuốc ở vật nuôi có thể dẫn đến việc điều trị các bệnh do vi khuẩn trở nên khó khăn, dẫn đến người chăn nuôi chuyển sang sử dụng các loại thuốc kháng sinh được coi là cực kỳ quan trọng để điều trị bệnh cho người (Beyene, 2016). Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đã xác định danh sách các chất kháng khuẩn được coi là cực kỳ quan trọng (bao gồm cephalosporin thế hệ thứ 3, 4 và 5, glycopeptides, macrolide, polymyxins và quinolone) và cần tránh trong chăn nuôi (WHO, 2019). Tại Việt Nam, thuốc kháng sinh bổ sung thức ăn chăn nuôi để kích thích sinh trưởng đã bị cấm kể từ ngày 1/1/2018 (Thông tư số 06/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016).

Trong nghiên cứu này, chúng tôi muốn đưa ra thông tin về thực trạng sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi gà thịt tại Nam Định và Thái Nguyên, nhằm góp phần khuyến cáo về hướng sử dụng kháng sinh an toàn trong chăn nuôi gà, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng.

II. NỘI DUNG, NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nội dung

Điều tra phỏng vấn các trại chăn nuôi gà thịt tại huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (50 trại) và tại huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên (50 trại).

2.2. Nguyên vật liệu

Bộ câu hỏi phỏng vấn các trại chăn nuôi gà có 24 câu hỏi, bao gồm các câu hỏi lựa chọn và câu hỏi mở.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

2.3.1. Điều tra phỏng vấn

Sử dụng bộ câu hỏi phỏng vấn trực tiếp các trại chăn nuôi gà thịt tại Vụ Bản, Nam Định (50 trại) và Phú Bình, Thái Nguyên (50 trại). Thông tin điều tra bao gồm các thông tin chung về trại, về tình hình chăn nuôi, tình hình bệnh tiêu chảy và hiện trạng sử dụng kháng sinh tại trại chăn nuôi.

2.3.2. Xử lý số liệu

Tính toán kết quả và xử lý số liệu bằng phần mềm Excel 2010, so sánh sự sai khác bằng kiểm định Chi bình phương.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thông tin chung về các trại chăn nuôi gà thịt tại Thái Nguyên và Nam Định

Chúng tôi đã tiến hành điều tra phỏng vấn 100 trại chăn nuôi gà, bao gồm 50 trại tại huyện Phú Bình, Thái Nguyên và 50 trại tại Vụ Bản, Nam Định. Kết quả điều tra được thể hiện trên bảng 1.

Bảng 1. Thông tin chung về các trại chăn nuôi gà tại Thái Nguyên và Nam Định

Chỉ tiêu	Thái Nguyên (n = 50)		Nam Định (n = 50)		Tổng (n=100)	
	n	%	n	%	n	%
Quy mô						
Nhỏ (51-150 gà)	0	0	21	42	21	21
Trung bình (151-2.000 gà)	14	28	28	56	42	42
Lớn (>2.000 gà)	36	72	1	2	37	37
Giống gà						
Gà ngoại	0	0	1	2	1	1
Gà nội	50	100	49	98	99	99
Quy trình chăn nuôi						
Cùng vào - cùng ra	18	36	20	40	38	38
Nuôi gối	32	64	30	60	62	62
Phương pháp nuôi						
Nuôi nhốt trong lồng kín	1	2	8	16	9	9
Nuôi trong chuồng hở, có rào ngăn cách	29	58	39	78	68	68
Nuôi thả vườn	17	34	1	2	18	18
Nuôi kết hợp các phương pháp	3	6	2	4	5	5
Nguồn gốc gà						
Công ty	4	8	12	24	16	16
Trại lân cận	44	88	10	20	54	54
Chợ	0	0	9	18	9	9
Khác	2	4	19	38	21	21
Mục đích nuôi						
Nuôi để nhà ăn	0	0	2	4	2	2
Nuôi để bán	50	100	42	84	92	92
Nuôi gia công	0	0	6	12	6	6

Số liệu tại bảng 1 cho thấy, phần lớn (42%) các trại chăn nuôi theo quy mô trung bình (151-2000 gà). Số trại chăn nuôi quy mô nhỏ (51-150 gà) chiếm tỷ lệ 21% và số trại chăn nuôi quy mô lớn (>2.000 gà) chiếm tỷ lệ 37%. Quy mô chăn nuôi trung bình và lớn phổ biến hơn tại Phú Bình, Thái Nguyên (28% và 72%), trong khi tại Vụ Bản, Nam Định quy mô phổ biến là nhỏ và trung bình (42% và 56%). Các trại chăn nuôi chủ yếu nuôi giống gà nội (bao gồm một số giống gà như: gà ri, gà chọi, gà tàu, gà ác,...). Trong số các trại điều tra, chỉ có một trại nuôi gà ngoại (gà công nghiệp lông trắng) tại tỉnh Nam Định.

Các trại thường nuôi theo quy trình nuôi gối (62%) nhiều hơn so với quy trình nuôi cùng vào - cùng ra (39%). Phương thức nuôi chủ yếu là nuôi trong chuồng hở, có rào ngăn (68%), số trại nuôi thả vườn là 18%, tập trung nhiều ở Thái Nguyên

(34%) so với ở Nam Định (2%), trong khi số trại nuôi nhốt chiếm 9%, trong đó ở Nam Định (16%) nhiều hơn ở Thái Nguyên (2%), chỉ có khoảng 5% số trại nuôi kết hợp các phương pháp khác nhau.

Các trại chăn nuôi lấy gà từ các trại lân cận là chủ yếu (50%), bên cạnh đó các trại cũng lấy gà từ nguồn công ty (16%), mua ở chợ (9%) và tự ấp nở (18%). Đa phần mục đích chăn nuôi là để bán (92%) và nuôi gia công (6%), ngoài ra có một số trại nuôi chỉ mục đích để nhà ăn chiếm 2%. Số trại nuôi gia công và nuôi để nhà ăn chỉ có tại tỉnh Nam Định.

3.2. Tình hình bệnh tiêu chảy trên đàn gà tại các trại chăn nuôi

Tình hình bệnh tiêu chảy trên đàn gà đã được thể hiện trên bảng 2.

Bảng 2. Tình hình bệnh tiêu chảy trên gà tại các trại được phỏng vấn

Chỉ tiêu	Thái Nguyên (n = 50)		Nam Định (n = 50)		Tổng (n=100)	
	n	%	n	%	n	%
Bệnh tiêu chảy phổ biến trên gà						
Có	45	90	45	90	90	90
Không	5	10	5	10	10	10
Thời điểm xảy ra bệnh tiêu chảy						
Theo mùa vụ	8	16	3	6	11	11
Chuyển mùa, thay đổi thời tiết	24	48	28	56	52	52
Quanh năm	8	16	12	22	20	20
Những ngày mưa	10	20	7	14	17	17
Lứa tuổi bị tiêu chảy						
<1 tháng tuổi	10	20	11	22	21	21
1-2 tháng tuổi	24	54	19	38	43	43
>2 tháng tuổi	1	2	6	12	7	7
Mọi lứa tuổi	12	24	4	8	16	16
Gửi mẫu xét nghiệm kháng sinh đồ						
Có	1	2	1	2	2	2
Không	49	98	49	98	98	98

Có tới 90% số trại nuôi cho rằng bệnh tiêu chảy trên gà là bệnh phổ biến đã gặp phải trong quá trình nuôi.

Khi thay đổi thời tiết, chuyển mùa là lúc gà dễ bị tiêu chảy nhất chiếm tỷ lệ cao (lên tới 52%); xảy ra quanh năm chiếm tỷ lệ 20%, những ngày

mưa chiếm tỷ lệ 17% và bệnh xảy ra theo mùa là 11%.

Gà ở lứa tuổi từ 1-2 tháng tuổi là dễ mắc bệnh nhất chiếm tỷ lệ cao (43%). Gà dưới 1 tháng tuổi ít mắc hơn, chiếm tỷ lệ thấp hơn (21%); gà ở mọi lứa tuổi (16%) và gà trên 2 tháng tuổi ít mắc nhất, chiếm tỷ lệ 7%. Gà khi bị tiêu chảy thường có triệu chứng như: giảm ăn; ủ rũ; đi ỉa phân trắng; phân xanh trắng; phân nhót vàng, nâu; phân sũng; phân màu sô cô la, bã trầu; khô khè; chậm chạp, lù rù; khô chân....

Nguyên nhân gây bệnh tiêu chảy có thể do vi khuẩn, ký sinh trùng và virus gây ra. Trong quá trình chăn nuôi, các trại còn gặp phải một số bệnh như: cầu trùng, hen suyễn, viêm phổi, đầu đen, Gumboro, Newcastle, tụ huyết trùng, ký sinh trùng đường máu, mốc mào.... Các bệnh đều ảnh hưởng đến sự phát triển của đàn gà và kinh tế của người chăn nuôi.

Trong quá trình chăn nuôi, khi đàn gà có biểu hiện bệnh tiêu chảy, chỉ có 2 (2%) trại chăn nuôi gà gửi mẫu đi xét nghiệm nguyên nhân bệnh và thử kháng sinh đồ trước khi điều trị, còn lại 98 trại (98%) không gửi mẫu đi xét nghiệm mà tự điều trị theo kinh nghiệm bản thân hoặc có tham khảo sự tư vấn của bác sỹ thú y, cửa hàng thuốc... để điều trị bằng kháng sinh cho gà.

3.3. Tình hình sử dụng kháng sinh trong các trại chăn nuôi gà thịt tại Thái Nguyên và Nam Định

Kết quả điều tra về thực trạng sử dụng kháng sinh của các trại chăn nuôi được trình bày ở bảng 3. Có tới 100% số trại phỏng vấn tại Thái Nguyên và Nam Định có sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi. Số trại sử dụng kháng sinh cho mục đích phòng bệnh là 31%, cho điều trị bệnh là 33% và cho cả hai mục đích là 36%, không có trại nào sử dụng kháng sinh với mục đích tăng trọng. Kết quả này cũng tương tự với nghiên cứu của Dương Thị Toan và Nguyễn Văn Lưu (2015) trên đàn gà thịt tại Bắc Giang và cao hơn nghiên cứu của Lưu và cs. (2021) trên các trại gà tại các tỉnh ở Việt Nam. Kết quả khảo sát trên 208 trang trại chăn nuôi gà ở tỉnh Tiền Giang cho thấy mức sử dụng kháng sinh khá cao,

trong đó 84% số trang trại kháng sinh cho mục đích phòng bệnh (Carrique-Mas và cs., 2015).

Kết quả điều tra cũng cho thấy việc sử dụng kháng sinh còn tùy tiện, đặc biệt là dùng kháng sinh trong phòng bệnh. Thời điểm dùng kháng sinh chủ yếu là khi thay đổi thời tiết, chuyển mùa (37%) hay khi gà có biểu hiện ốm (34%); khi gà ốm mà có tư vấn của bác sỹ thú y địa phương chiếm tỷ lệ 29%; khi gà ốm mà có tư vấn của cửa hàng thuốc chiếm tỷ lệ 13%. Cũng có trường hợp gà nhà hàng xóm ốm thì các trại chăn nuôi cũng sử dụng kháng sinh để phòng cho đàn gà nhà mình (2%). Số trại sử dụng kháng sinh trong giai đoạn úm chiếm tỷ lệ khá cao, lên tới 31%.

Thời điểm sử dụng kháng sinh có sự khác nhau ở Nam Định và Thái Nguyên, ví dụ như khi thay đổi thời tiết, chuyển mùa có tới 50% số trại tại Thái Nguyên sử dụng kháng sinh, trong khi chỉ 20% số trại tại Nam Định sử dụng. Sử dụng kháng sinh khi gà ốm, có tư vấn của bác sỹ thú y tại Thái Nguyên là 42% trong khi ở Nam Định chỉ là 16%. Bên cạnh đó, việc sử dụng kháng sinh ở giai đoạn úm gà tại Thái Nguyên là 22%, ít hơn so với tại Nam Định (40%). Các sự sai khác trên có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$).

Có tới 93% số trại được điều tra cho biết việc sử dụng kháng sinh có sự tư vấn và 7% số trại sử dụng kháng sinh không theo tư vấn. Trong đó, phần lớn các trại sử dụng kháng sinh theo tư vấn trực tiếp của cửa hàng thuốc thú y, vật tư chăn nuôi, chiếm tỷ lệ 44%, tư vấn của bác sỹ thú y, thú y tư nhân chiếm tỷ lệ 25%. Nghiên cứu của Lưu và cs. (2021) cho biết 70% số trại chăn nuôi gà tìm đến tư vấn của các cửa hàng thuốc thú y và 24,8% số trại tìm sự tư vấn của cán bộ thú y địa phương. Đặc biệt là có 38% số trại sử dụng thuốc kháng sinh theo kinh nghiệm bản thân, trong đó ở Thái Nguyên là 52% so với Nam Định (24%). Nghiên cứu của Dương Thị Toan và Nguyễn Văn Lưu (2015) cho biết có tới 50% số trại quyết định loại kháng sinh sử dụng và liều lượng theo kinh nghiệm của chủ trại. Việc tự điều trị kháng sinh bằng kinh nghiệm bản thân của các chủ trại có thể dẫn tới hiện tượng kháng thuốc của các vi khuẩn gây bệnh, gây khó khăn cho việc điều trị bệnh và gây thiệt hại cho chính người chăn nuôi.

Bảng 3. Hiện trạng sử dụng kháng sinh

Chỉ tiêu	Thái Nguyên (n = 50)		Nam Định (n = 50)		Tổng (n=100)	
	n	%	n	%	n	%
Mục đích sử dụng kháng sinh						
Tăng trưởng	0	0	0	0	0	0
Phòng bệnh	11	22	20	40	31	31
Trị bệnh	16	32	17	34	33	33
Phòng và trị bệnh	23	46	13	26	36	36
Thời điểm thường dùng kháng sinh						
Khi gà có biểu hiện ốm	20	40	14	28	34	34
Khi gà ốm, có tư vấn của BSTY	21	42	8	16	29	29
Khi gà ốm, có tư vấn của cửa hàng thuốc	9	18	4	22	13	13
Khi thay đổi thời tiết, chuyển mùa	25	50	12	20	37	37
Khi gia súc, gia cầm hàng xóm ốm	1	2	1	2	2	2
Khác (giai đoạn úm...)	11	22	20	40	31	31
Cơ sở để lựa chọn kháng sinh						
Thú y viên địa phương	6	12	3	6	9	9
Bác sỹ Thú y tự do/Thú y tư nhân	17	34	8	16	25	25
Nhân viên công ty thuốc thú y/thức ăn chăn nuôi	4	8	5	10	9	9
Cửa hàng bán thuốc thú y/vật tư chăn nuôi	20	40	24	48	44	44
Hàng xóm, người chăn nuôi khác	5	10	1	2	6	6
Khác (kinh nghiệm bản thân)	26	52	12	24	38	38
Liều sử dụng						
Theo hướng dẫn của nhà sản xuất	18	36	38	76	56	56
Liều cao hơn hướng dẫn (<1,5 lần)	5	10	4	8	9	9
Liều cao hơn hướng dẫn (1,5 - 2 lần)	27	54	7	14	34	34
Liều cao hơn hướng dẫn (> 2 lần)	0	0	1	2	1	1
Liệu trình sử dụng kháng sinh						
Dưới 3 ngày	1	2	0	0	1	1
3-5 ngày	44	88	43	86	87	87
5-7 ngày	5	10	7	14	12	12
Phối hợp hai loại kháng sinh trở lên						
Có	39	78	20	40	59	59
Không	11	22	30	60	41	41

Một thực tế đáng lo ngại là người chăn nuôi không biết hoặc cố tình sử dụng kháng sinh một cách bừa bãi, còn một số cửa hàng thuốc thú y vì lợi nhuận mà tư vấn dùng thuốc hoạt phổ rộng, liều cao ...Kết quả điều tra cũng cho thấy các trại chăn nuôi có trữ một số thuốc kháng sinh

bột phổ biến trong nhà, để có thể trộn thức ăn, nước uống cho đàn gà bất cứ lúc nào. Khi đàn gà có biểu hiện kém ăn, ốm, chủ trại có thể trở thành “bác sỹ thú y” khi tự chẩn đoán bệnh, tự kê kháng sinh và tự quyết định liều lượng, thuốc này không khỏi thì tự ý chuyển sang thuốc

khác. Trường hợp nặng hoặc dùng thuốc vài hôm không khỏi thì có thể nhờ sự tư vấn của thú y địa phương, cửa hàng thuốc.

Trước khi sử dụng thuốc cho gà, 100% số trại đều khẳng định có xem hướng dẫn sử dụng. Trong đó có 56% số trại sử dụng kháng sinh theo liều hướng dẫn của nhà sản xuất. Một số trại sử dụng kháng sinh với liều cao hơn hướng dẫn dưới 1,5 lần (9%); cao hơn gấp 1,5-2 lần (34%); cao hơn gấp hơn 2 lần (1%); trong đó tại Nam Định số trại tuân thủ theo hướng dẫn của nhà sản xuất (76%) cao hơn so với các trại tại Thái Nguyên (36%). Số trại sử dụng liều cao gấp 1,5-2 lần tại Thái Nguyên (54%) cao hơn so với các trại tại Nam Định (14%) ($p < 0,05$). Kết quả này cao hơn so với nghiên cứu của Lưu và cs. (2021) khi chỉ 5,7% số trại sử dụng liều kháng sinh cao hơn so với liều khuyến cáo. Việc sử dụng thuốc

kháng sinh không theo liều hướng dẫn của nhà sản xuất có thể dẫn đến nguy cơ kháng kháng sinh của các mầm bệnh trên gà, gây tình trạng nhờn thuốc trong quá trình điều trị, ảnh hưởng đến hiệu quả và năng suất chăn nuôi. Bên cạnh đó, việc dùng kháng sinh quá liều cũng có thể gây tồn dư kháng sinh trên thịt gà, dẫn tới ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng.

Liệu trình sử dụng kháng sinh trung bình từ 3 - 5 ngày chiếm tỷ lệ cao, lên tới 87%; 5 - 7 ngày chiếm 12% và dưới 3 ngày chiếm 1%. Các trại chăn nuôi có sử dụng phối hợp hai loại thuốc kháng sinh với nhau chiếm tỷ lệ cao (59%), trong đó tại Thái Nguyên là 78% và Nam Định là 40%, sự sai khác có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$).

3.4. Đánh giá của người chăn nuôi về hiệu quả sử dụng kháng sinh

Bảng 4. Đánh giá của người chăn nuôi về hiệu quả sử dụng kháng sinh

Chỉ tiêu	Thái Nguyên (n = 50)		Nam Định (n = 50)		Tổng (n=100)	
	n	%	n	%	n	%
Sử dụng kháng sinh không hiệu quả						
Có	44	86	39	78	83	83
Không	6	12	11	22	17	17
Thời gian thay thuốc (n = 83)						
Sau khi sử dụng thuốc ngày đầu không có hiệu quả	4	9,09	0	0	4	4,82
Sau khi sử dụng thuốc 3 ngày không có hiệu quả	37	84,1	37	94,9	74	89,2
Sau khi sử dụng thuốc 5 ngày không có hiệu quả	1	2,3	1	2,7	2	2,4
Sau khi hết liệu trình cũ	2	4,6	1	2,6	3	3,6
Lý do dùng kháng sinh không hiệu quả						
Chất lượng thuốc không tốt	4	8	11	22	15	15
Không xác định đúng bệnh	16	32	29	58	45	45
Dùng không đúng liều	0	0	2	0	2	2
Dùng không đúng liệu trình	0	0	1	0	1	1
Khác	28	56	23	46	51	51
Khuyến cáo về việc sử dụng kháng sinh						
Đồng ý	40	80	44	88	84	84
Không đồng ý	10	20	6	12	16	16

Kết quả tại bảng 4 phản ánh sự nhận thức, đánh giá về hiệu quả sử dụng kháng sinh của

các chủ hộ chăn nuôi gà tại Thái Nguyên và Nam Định.

Trong quá trình chăn nuôi có tới 83% số trại cho biết sử dụng kháng sinh rồi mà vẫn không hiệu quả, và các trại này đều thay kháng sinh khác trong quá trình sử dụng. Thông thường, các trại chăn nuôi sau khi sử dụng thuốc 3 ngày không có hiệu quả thì sẽ thay thuốc (89,2%); thay thuốc khác sau khi sử dụng thuốc 5 ngày không có hiệu quả chiếm tỷ lệ 2,4%; sau khi hết liệu trình thuốc cũ (3,6%). Ngoài ra có 4,8% số trại sử dụng kháng sinh khác thay thế ngay ngày đầu tiên khi không thấy hiệu quả.

Có nhiều lý do về việc sử dụng kháng sinh không hiệu quả, phần lớn các trại chăn nuôi đều cho rằng không xác định đúng bệnh (chiếm tỷ lệ 45%). Cũng có ý kiến khác cho rằng chất lượng thuốc không tốt (15%); sử dụng không đúng liều (2%); dùng không đúng liệu trình (1%) và 51% ý kiến khác cho rằng bị kháng thuốc.

Có rất nhiều trại chăn nuôi đồng ý với ý kiến khuyến cáo hạn chế sử dụng kháng sinh và thay thế kháng sinh thảo dược (84%) do việc sử dụng nhiều loại kháng sinh có thể gây ảnh hưởng đến sức khỏe của đàn gà. Việc thay thế kháng sinh bằng kháng sinh thảo dược có thể sẽ vừa giúp ngăn ngừa bệnh vừa không gây ảnh hưởng sức khỏe cho đàn gà. Bên cạnh đó cũng có những trại không đồng ý với khuyến cáo này (16%), các chủ trại cho rằng chăn nuôi tại miền Bắc với đặc trưng khí hậu ẩm ướt và khắc nghiệt, nóng vào mùa hè và lạnh vào mùa đông, việc sử dụng kháng sinh là rất cần thiết. Hơn nữa trên thị trường cũng chưa có nhiều thảo dược hay chế phẩm khác đảm bảo chất lượng để thay thế kháng sinh. Mặc dù biết rằng việc dùng kháng sinh có thể có hại cho sức khỏe cũng như khả năng phát triển của đàn gà nhưng vẫn cần phải dùng kháng sinh để phòng, trị bệnh cho gà.

3.4. Kháng sinh sử dụng trong điều trị tiêu chảy tại các trại chăn nuôi gà thịt tại Thái Nguyên và Nam Định

Trên thực tế, các trại chăn nuôi gà sử dụng rất nhiều loại kháng sinh khác nhau để phòng và trị các bệnh gặp phải trong quá trình nuôi. Tuy nhiên trong nghiên cứu này, chúng tôi chỉ tập

trung vào các kháng sinh sử dụng trong điều trị bệnh tiêu chảy trên đàn gà. Kết quả trên bảng 5 trình bày về các loại kháng sinh phổ biến dùng tại các trại chăn nuôi gà thịt ở Phú Bình (Thái Nguyên) và Vụ Bản (Nam Định). Một số loại kháng sinh phổ biến để điều trị tiêu chảy mà các trại điều tra hay sử dụng như: Amoxicillin, ampicillin, colistin, doxycylin, timixin, bmd, costrim, enrofloxacin, ampi-coli, doxy vet, flor-maxzoo, five-dotylin, genta-tylosin, ampidecoli, maxflor ...

Trên thị trường có rất nhiều loại kháng sinh dùng trong thú y được bán tràn lan, khó có sự kiểm soát triệt để của các cơ quan chức năng. Việc sử dụng kháng sinh không hợp lý có thể tạo ra các sản phẩm chăn nuôi không đảm bảo an toàn cho con người, đặc biệt là làm tăng tính kháng thuốc của vi khuẩn (Donovan, 2002).

Số liệu từ bảng 5 cho thấy có 13 loại thuốc kháng sinh phổ biến được sử dụng trong điều trị gà tiêu chảy tại Thái Nguyên và Nam Định. Bao gồm các loại thuốc thương mại trên thị trường có 1 thành phần kháng sinh và các loại thuốc có 2 thành phần kháng sinh. Việc sử dụng kháng sinh có khác nhau giữa vùng địa lý. Tại Thái Nguyên, amoxicillin được dùng tương đối phổ biến (76%), tiếp đến là doxycylin (32%) và florfenicol (28%). Tại Nam Định, kháng sinh được sử dụng phổ biến là ampicillin (28%), ampicillin + colistin (24%) và doxycylin + tylosin (16%).

Nghiên cứu của Luu và cs. (2021) cho biết có 11 nhóm kháng sinh (24 loại kháng sinh khác nhau) được sử dụng trong chăn nuôi gà tại các tỉnh thuộc ba miền Bắc, Trung, Nam của Việt Nam. Kháng sinh phổ biến được dùng trong chăn nuôi gà là amoxicillin, tetracycline và colistin. Tại Bắc Giang, có 6 loại kháng sinh sử dụng phổ biến trong chăn nuôi gà là doxycycline (55,0%), tiamulin (50,0%), tylosin (45,0%), colistin (40,0%), enrofloxacin (40,0%), chlortetracycline (35,0%) (Dương Thị Toan và Nguyễn Văn Lưu, 2015).

Bảng 5. Các kháng sinh sử dụng trong điều trị tiêu chảy tại các trại chăn nuôi gà thịt tại Thái Nguyên và Nam Định

STT	Loại kháng sinh	Thái Nguyên (n=50)		Nam Định (n=50)		Tổng (n=100)	
		n	%	n	%	n	%
1	Amoxicillin	38	76	5	10	43	43
2	Ampicillin	5	10	14	28	19	19
3	Colistin	6	12	3	6	9	9
4	Doxycycline	16	32	0	0	16	16
5	Florfenicol	14	28	3	6	17	17
6	Tylosin	0	0	6	12	6	6
7	Enrofloxacin	3	6	5	10	8	8
8	Ampicillin-colistin	4	8	12	24	16	16
9	Doxycycline-tylosin	0	0	8	16	8	8
10	Gentamycin-tylosin	0	0	5	10	5	5
11	Amoxicilin-colistin	3	6	1	2	4	4
12	Doxycylin-florfenicol	2	4	0	0	2	2
13	Florfenicol-tilmicosin	0	0	1	2	1	1

Colistin được sử dụng cho cả điều trị và phòng bệnh, có thể dùng dưới dạng riêng lẻ hoặc dạng phối hợp. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với các nghiên cứu tại Việt Nam, chỉ ra rằng colistin được sử dụng rộng rãi trong chăn nuôi lợn và gà (Carrique-Mas *et al.*, 2014; Dang *et al.*, 2013).

Kết quả cho thấy việc sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi gà còn khá phổ biến, là nguy cơ dẫn đến tình trạng kháng kháng sinh. Đây là vấn đề quan ngại hàng đầu của WHO, trong đó Việt Nam được xếp vào "một trong những nước có tỷ lệ kháng kháng sinh cao nhất trên thế giới". Do vậy, để hạn chế tình trạng kháng kháng sinh trong chăn nuôi, ngoài cơ quan chức năng (Bộ Nông nghiệp và PTNT), rất cần sự chung tay của toàn thể cộng đồng.

IV. KẾT LUẬN

- Có tới 100% số trại phòng vẫn sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi với mục đích điều trị bệnh và phòng bệnh. Số trại tuân thủ theo hướng dẫn của nhà sản xuất tại Nam Định

(76%) cao hơn so với các trại tại Thái Nguyên (36%). Số trại sử dụng liều cao gấp 1,5-2 lần tại Thái Nguyên (54%) cao hơn so với các trại tại Nam Định (14%). Tại Thái Nguyên, amoxicillin được dùng tương đối phổ biến (76%), tiếp đến là doxycylin (32%) và florfenicol (28%). Tại Nam Định, kháng sinh được sử dụng phổ biến là ampicillin (28%), ampicillin-colistin (24%) và doxycylin-tylosin (16%).

- Việc tự điều trị kháng sinh không theo tư vấn của bác sỹ thú y cũng như không thử nghiệm kháng sinh đồ có thể dẫn tới hiện tượng kháng thuốc của các vi khuẩn gây bệnh, gây thiệt hại cho chính người chăn nuôi và ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.

Lời cảm ơn: Nhóm tác giả xin được trân trọng cảm ơn Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam đã hỗ trợ kinh phí cho chúng tôi thực hiện nghiên cứu này. Chúng tôi cũng xin cảm ơn Chi cục Chăn nuôi và Thú y Nam Định và Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản Thái Nguyên đã tạo điều kiện giúp đỡ chúng tôi trong quá trình đi phỏng vấn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo Nam Định, 2021. Chăn nuôi gia cầm phát triển mạnh. <http://baonamdinh.com.vn/channel/5085/202110/chan-nuoi-gia-cam-phat-trien-manh-2547090/>.
2. Beyene, T., 2016. Veterinary drug residues in food-animal products: its risk factors and potential effects on public health. *J. Vet. Sci. Technol.* 7, 1–7.
3. Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Nguyên, 2020: Hiệu quả từ mô hình chăn nuôi gà đồi theo hướng an toàn sinh học tại huyện Phú Bình. http://thainguyen.gov.vn/thong-bao/-/asset_publisher/L0n17VJXU23O/content/hieu-qua-tu-mo-hinh-chan-nuoi-ga-oi-theo-huong-an-toan-sinh-hoc-tai-huyen-phu-binh
4. Chi cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên, 2020: <http://consosukien.vn/thai-nguyen-tinh-hinh-chan-nuoi-phat-trien-tuong-doi-on-dinh.htm>
5. Carrique-Mas, J.J., Trung, N.V., Hoa, N.T., Mai, H.H., Thanh, T.H., Campbell, J.I., Wagenaar, J.A., Hardon, A., Hieu, T.Q., Schultsz, C., 2015. Antimicrobial usage in chicken production in the Mekong Delta of Vietnam. *Zoonoses Public Health* 62, 70–78.
6. Da Costa, P.M., Loureiro, L., Matos, A.J., 2013. Transfer of multidrug-resistant bacteria between intermingled ecological niches: the interface between humans, animals and the environment. *Int. J. Environ. Res. Public Health* 10, 278–294.
7. Dang, P.K., Saegerman, C., Douny, C., Ton, V.D., Bo, H.X., Binh, D.V., Ngan, P.H., Scippo, M.L., 2013. First survey on the use of antibiotics in pig and poultry production in the Red River Delta region of Vietnam. *Food Public Health* 3, 247–256
8. Donovan, S., 2002. Clinical consequences of antibiotic misuse. antibiotic resistance. In (ed.): American college of Physicians. Paper in section of infectious diseases. (<http://www.acponline.org/ear/vas2002/antibiotics.htm>).
9. Dương Thị Toan và Nguyễn Văn Lưu, 2015. Tình hình sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi lợn thịt, gà thịt ở một số trại chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. *Tạp chí Khoa học và Phát triển* 2015, tập 13, số 5: 717-722
10. Gong, J., Wang, C., Shi, S. *et al.*, 2016. Highly drugresistant *Salmonella enterica* serovar Indiana clinical isolates recovered from broilers and poultry workers with diarrhea in China. *Antimicrobial Agents and Chemotherapy*. 60(3): 1943-1947
11. Hồ Xuân Yển, Nguyễn Khánh Thuận và Lý Thị Liên Khai, 2019. Khảo sát vi khuẩn *Salmonella* spp. trên gà và môi trường ở một số nông trại tại tỉnh Vĩnh Long. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. Tập 55, Số 6B (2019): 1-6
12. Langata, L.M., Maingi, J.M., Musonye, H.A. *et al.*, 2019. Antimicrobial resistance genes in *Salmonella* and *Escherichia coli* isolates from chicken droppings in Nairobi, Kenya. *BMC Res Notes* 12, 22. <https://doi.org/10.1186/s13104-019-4068-8>
13. Luu Q.H, Nguyen T.L.A, Pham T.N., Vo N.G., Padungtod P., 2021. Antimicrobial use in household, semi-industrialized, and industrialized pig and poultry farms in Viet Nam. *Prev Vet Med.* 189:105292. doi: 10.1016/j.prevetmed.2021.105292. Epub 2021 Feb 9. PMID: 33621709.
14. Rushton J., Ferreira J. P. And Stark K., 2014. The use of antimicrobials in the livestock sector. OECD Food, Agriculture and Fisheries Papers, OECD Publishing, No.68.
15. Tổng cục Thống kê: <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/02/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-thang-02-nam-2021/>
16. World Health Organization, 2019. Critically important antimicrobials for human medicine.

Ngày nhận 25-10-2021

Ngày phản biện 26-11-2021

Ngày đăng 1-1-2022